

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Thor.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Cao Minh Sơn.

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Vũ Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Kiến Kim L, sinh năm 1987 (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Số 36/3, Lý Thường Kiệt, khóm 1, phường 4, thành phố Trà V, tỉnh Trà V.

Chỗ ở hiện nay: Số 58/8, Lê Lợi, khóm 4, phường 1, thành phố T, tỉnh Trà V.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Thái T, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 3/12C, Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 1, phường 2, thành phố Trà V, tỉnh Trà V.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kiến Kim L trình bày:** Bà L và ông Nguyễn Thái T có tìm hiểu, quen biết nhau và tiến đến hôn nhân. Hôn lễ được tổ chức đúng theo phong tục truyền thống có sự chứng kiến của gia đình hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố T, tỉnh Trà V, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 116, quyển số: 01 vào năm 2011. Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, bà L và ông T có với nhau một người con

chung cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08/9/2013. Thời gian sau, bà L cảm thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông T không hạnh phúc, trong chuyện quan hệ vợ chồng không hạnh phúc, bà L và ông T sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Tại phiên tòa, bà L khẳng định không còn tình cảm với ông T. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thái T. Về con chung: Bà L và ông Nguyễn Thái T có với nhau một người con chung cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08/9/2013, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà L và ông Nguyễn Thái T không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung, người khác nợ: Bà L và ông Nguyễn Thái T không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thái T vắng mặt nhưng có lời khai:* Ông T thừa nhận lời trình bày của bà L là đúng. Cuộc sống hôn nhân giữa ông T và bà L không hạnh phúc, hôn nhân không thể cứu vãn, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2020 đến nay. Ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L vì ông T muốn con của ông là cháu K có đầy đủ cả cha, mẹ.

Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, đương sự tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Kiến Kim L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Thái T là bị đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thái T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Kiến Kim L khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Thái T nên vụ án được thụ lý theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Thái T là bị đơn trong vụ án đang sinh sống tại địa chỉ: Số 3/12C, Nguyễn Thị Minh K, khóm 1, phường 2, thành phố T, tỉnh Trà V nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

Về nội dung vụ án:

[3] Bà Kiến Kim L và ông Nguyễn Thái T kết hôn vào ngày 31/10/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Trà Vinh, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kiến Kim L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thái T là có cơ sở. Bởi, bà L và ông T không tìm thấy hạnh phúc trong cuộc sống hôn nhân cũng như trong chuyện quan hệ vợ chồng. Bà L và ông T không còn sống chung từ năm 2020 đến nay. Ông T cũng thừa nhận hôn nhân giữa ông T và bà L không thể cứu vãn. Bà L khẳng định không còn tình cảm với ông T. Xét thấy, bà L và ông T không còn chung sống với nhau, cũng không tạo điều kiện để hai người có thời gian chung sống với nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được nên bà Kiến Kim L xin ly hôn với ông Nguyễn Thái T là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà Kiến Kim L và ông Nguyễn Thái T có với nhau một người con chung cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08/9/2013. Bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K là có cơ sở. Bởi, bà Kiến Kim L là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08/9/2013 từ khi sinh cháu K cho đến hiện tại và căn cứ vào nguyện vọng của cháu K được sống với mẹ. Tại biên bản lấy lời khai ông T ngày 09/8/2022, ông T cũng đồng ý giao con chung cho mẹ là bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông, bà ly hôn với nhau. Để đảm bảo cho cháu K có điều kiện phát triển bình thường, không làm thay đổi cuộc sống hiện tại của cháu K nên yêu cầu của bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Đăng K là căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Kiến Kim L đã được giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về tài sản chung, về nợ chung, người khác nợ: Bà Kiến Kim L và ông Nguyễn Thái T không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiến Kim L.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Kiến Kim L phải án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Kiến Kim L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Kiến Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Thái T.
3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08/9/2013 cho bà Kiến Kim L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu K.
4. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thái T không phải cấp dưỡng nuôi con.
5. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.
6. Về tài sản chung, về nợ chung, người khác nợ: Bà Kiến Kim L và ông Nguyễn Thái T không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.
7. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Kiến Kim L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010063 ngày 17/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Bà Kiến Kim L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.
8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
9. Đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Các đương sự;
- UBND phường 4, TP. T;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Minh Thor**

